CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

Số: 33/2024/BC/MGDV-VFS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN

THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 01/2024

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
	a.Danh mục chứng khoán ký quỹ tại Sở GDCK Hà Nội			
1	AMV			AMV
2	BNA			BNA
3	BVS			BVS
4	C69			C69
5	CAP			CAP
6	CEO			CEO
7	CIA			CIA
8	CSC			CSC
9	DHT			DHT
10	DL1			DL1
11	DNP			DNP
12	DTD			DTD
13	DVM			DVM
14	DXP			DXP
15	GKM			GKM
16	HDA			HDA
17	HHC			HHC
18	HJS			HJS
19	HLC			HLC
20	HLD			HLD
21	HOM			HOM
22	HUT			HUT
23	IDC			IDC
24	IDV			IDV
25	INN			INN
26	IPA			IPA
27	L14			L14

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
28	LAS			LAS
29	LHC			LHC
30	LIG			LIG
31	MBG			MBG
32	MBS			MBS
33	MDC			MDC
34	NAG			NAG
35	NBC			NBC
36	NSH			NSH
37	NTP			NTP
38	PBP			PBP
39	PCH			PCH
40	PGN			PGN
41	PLC			PLC
42	PSD			PSD
43	PVC			PVC
44	PVG			PVG
45	PVI			PVI
46	PVS			PVS
47	S55			S55
48	S99			S99
49	SCG			SCG
50	SCI			SCI
51	SD9			SD9
52	SHS			SHS
53	SLS			SLS
54	SVN			SVN
55	TDN			TDN
56	TDT			TDT
57	THD			THD
58	THT			THT
59	TIG			TIG
60	TNG			TNG
61	TV4			TV4
62	TVD			TVD
63	VC3			VC3
64	VC7			VC7
65	VCS			VCS
66	VGS			VGS
67	VHE			VHE

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
68	VNR			VNR
69	VTZ			VTZ
70			NDN	NDN
71			NVB	NVB
72			PTI	PTI
	b.Danh mục chứng khoán ký quỹ tại Sở GDCK TP.HCM			
1	AAA			AAA
2	AAT			AAT
3	ACB			ACB
4	ACC			ACC
5	ACL			ACL
6	ADS			ADS
7	AGG			AGG
8	AGR			AGR
9	ANV			ANV
10	ASM			ASM
11	BAF			BAF
12	BCG			BCG
13	BCM			BCM
14	BFC			BFC
15	BIC			BIC
16	BID			BID
17	BKG			BKG
18	BMC			BMC
19	BMI			BMI
20	BMP			BMP
21	BSI			BSI
22	BVH			BVH
23	BWE			BWE
24	C32			C32
25	C47			C47
26	CCL			CCL
27	CDC			CDC
28	CHP			CHP
29	CII			CII
30	CLL			CLL
31	CMG			CMG
32	CMX			CMX
33	CNG			CNG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
34	CRC			CRC
35	CRE			CRE
36	CSM			CSM
37	CSV			CSV
38	CTD			CTD
39	CTF			CTF
40	CTG			CTG
41	CTI			CTI
42	CTR			CTR
43	CTS			CTS
44	CVT			CVT
45	D2D			D2D
46	DBC			DBC
47	DBD			DBD
48	DBT			DBT
49	DCL			DCL
50	DCM			DCM
51	DGC			DGC
52	DGW			DGW
53	DHA			DHA
54	DHC			DHC
55	DHG			DHG
56	DHM			DHM
57	DIG			DIG
58	DPG			DPG
59	DPM			DPM
60	DPR			DPR
61	DQC			DQC
62	DRC			DRC
63	DSN			DSN
64	DVP			DVP
65	DXG			DXG
66	E1VFVN30			E1VFVN30
67	EIB			EIB
68	ELC			ELC
69	EVE			EVE
70	EVF			EVF
71	FCM			FCM
72	FCN			FCN
73	FIT			FIT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
74	FMC			FMC
75	FPT			FPT
76	FTS			FTS
77	FUEVFVND			FUEVFVND
78	GAS			GAS
79	GDT			GDT
80	GEG			GEG
81	GEX			GEX
82	GMD			GMD
83	GSP			GSP
84	GVR			GVR
85	HAH			HAH
86	HAP			HAP
87	HAX			HAX
88	HCD			HCD
89	HCM			HCM
90	HDB			HDB
91	HDC			HDC
92	HDG			HDG
93	HHP			HHP
94	HHS			HHS
95	HHV			HHV
96	HMC			HMC
97	HPG			HPG
98	HQC			HQC
99	HSL			HSL
100	HTN			HTN
101	HUB			HUB
102	HVH			HVH
103	IDI			IDI
104	IJC			IJC
105	ITC			ITC
106	KBC			KBC
107	KDC			KDC
108	KDH			KDH
109	KHG			KHG
110	KHP			KHP
111	KMR			KMR
112	KOS			KOS
113	KSB			KSB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
114	LBM			LBM
115	LCG			LCG
116	LPB			LPB
117	LSS			LSS
118	MBB			MBB
119	MIG			MIG
120	MSB			MSB
121	MSH			MSH
122	MSN			MSN
123	MWG			MWG
124	NAF			NAF
125	NBB			NBB
126	NHA			NHA
127	NHH			NHH
128	NHT			NHT
129	NLG			NLG
130	NO1			NO1
131	NSC			NSC
132	NT2			NT2
133	NTL			NTL
134	OCB			OCB
135	OPC			OPC
136	ORS			ORS
137	PAN			PAN
138	PC1			PC1
139	PDR			PDR
140	PET			PET
141	PGC			PGC
142	PGV			PGV
143	PHC			PHC
144	PHR			PHR
145	PLX			PLX
146	PNJ			PNJ
147	POW			POW
148	PSH			PSH
149	PTB			PTB
150	PVT			PVT
151	RAL			RAL
152	REE			REE
153	SAB			SAB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
154	SAM			SAM
155	SAV			SAV
156	SBA			SBA
157	SBT			SBT
158	SCR			SCR
159	SCS			SCS
160	SFI			SFI
161	SGT			SGT
162	SHA			SHA
163	SHB			SHB
164	SHI			SHI
165	SJD			SJD
166	SJS			SJS
167	SKG			SKG
168	SMB			SMB
169	SSB			SSB
170	SSI			SSI
171	ST8			ST8
172	STB			STB
173	STG			STG
174	STK			STK
175	SZC			SZC
176	TCB			TCB
177	TCD			TCD
178	TCH			TCH
179	TCL			TCL
180	TCM			TCM
181	TCO			TCO
182	TCT			TCT
183	TDG			TDG
184	TDM			TDM
185	TDP			TDP
186	TEG			TEG
187	THG			THG
188	TIP			TIP
189	TLD			TLD
190	TLG			TLG
191	TLH			TLH
192	TNT			TNT
193	TPB			TPB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
194	TRC			TRC
195	TTA			TTA
196	TV2			TV2
197	TVS			TVS
198	VCB			VCB
199	VCG			VCG
200	VCI			VCI
201	VGC			VGC
202	VHC			VHC
203	VHM			VHM
204	VIB			VIB
205	VIC			VIC
206	VID			VID
207	VIP			VIP
208	VIX			VIX
209	VND			VND
210	VNE			VNE
211	VNG			VNG
212	VNM			VNM
213	VNS			VNS
214	VOS			VOS
215	VPB			VPB
216	VPG			VPG
217	VPI			VPI
218	VRE			VRE
219	VSC			VSC
220	VSH			VSH
221	VTO			VTO
222			APG	APG
223			AST	AST
224			BTP	BTP
225			CAV	CAV
226			FUEMAV30	FUEMAV30
227			FUESSV30	FUESSV30
228			FUESSVFL	FUESSVFL
229			FUEVN100	FUEVN100
230			HSG	HSG
231			ICT	ICT
232			IMP	IMP
233			LHG	LHG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
234			NKG	NKG
235			PVD	PVD
236			SGR	SGR
237			SVC	SVC
238			TMS	TMS
239			TNH	TNH
240			VDS	VDS
241			VJC	VJC
242	FIR	FIR		

NGƯỜI LẬP	KIỂM SOÁT	Phó Tổng Giám Đốc
Nguyễn Thị Lan	Phạm Thị Nga	Nguyễn Thị Thu Hằng